



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 58

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

01-12-2012 - Quyết định số 6133/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh.

2

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6133/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 9059/TTr-SCT ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Tờ trình số 9387/TTr-VP ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này: 12 thủ tục hành chính mới ban hành; 16 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 03 thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công

Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, BÃI BỎ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TP.HCM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6133/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2012
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính
a. Lĩnh vực Dầu khí	
1	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
2	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào ô tô
b. Lĩnh vực Hóa chất, vật liệu nổ Công nghiệp	
3	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp
4	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp
5	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp
6	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp
7	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

8	Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đối với dự án đầu tư sản xuất kinh doanh sử dụng, cất giữ và bảo quản hóa chất nguy hiểm thuộc nhóm C
c. Lĩnh vực Quản lý hoạt động thương mại của các tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam	
9	Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh
d. Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa	
10	Thủ tục Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng
e. Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
11	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
12	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính
a. Lĩnh vực Phát triển Công nghiệp, Thương mại địa phương	
1	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá
2	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá
3	Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)
4	Thủ tục Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn TP.HCM
b. Lĩnh vực Đấu thầu	
5	Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu
c. Lĩnh vực Dầu khí	
6	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
7	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai
8	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng LPG chai
d. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp	
9	Thủ tục cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất sản xuất

e. Lĩnh vực Điện, Năng lượng mới, Năng lượng tái tạo	
10	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình điện nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước
11	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình điện sử dụng vốn ngân sách nhà nước
12	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ khi di dời công trình điện
13	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ khi di dời - tái lập công trình điện
f. Lĩnh vực Quản lý hoạt động thương mại của các tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam	
14	Thủ tục Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
15	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
16	Thủ tục Gia hạn và điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

III. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Đăng ký, quản lý con dấu		
1	043553	Thủ tục Đăng ký dấu nghiệp vụ lần đầu
2	045319	Thủ tục Đăng ký bổ sung, sửa đổi dấu nghiệp vụ
3	045415	Thủ tục Đăng ký lại mẫu dấu do thương nhân chuyên địa chỉ trụ sở về Thành phố Hồ Chí Minh

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TP.HCM

I. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh

a. Lĩnh vực Dầu khí

1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm: (Điều 38 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP; Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP)

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG (Phụ lục V- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

- Giấy phép đầu tư xây dựng, dự án thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy;
- Phiếu kết quả kiểm định thiết bị đo lường;
- Phiếu kết quả kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trạm cấp LPG.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (Điều 38 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP): 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí** (Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

- Lệ phí thẩm định: 1.200.000 đồng/doanh nghiệp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp LPG (Phụ lục V - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 37 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP):

a. Trạm cấp LPG phải được xây dựng theo quy hoạch, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; có Giấy phép xây dựng kèm theo dự án, thiết kế do cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng;

b. Thiết bị đo lường đã được kiểm định và hiệu chỉnh theo quy định;

c. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy; phiếu kết quả kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trạm cấp LPG.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Nghị định số 118/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CẤP KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:(1)...

Tên giao dịch đối ngoại của doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... do..... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:

Ngành nghề kinh doanh:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cấp khí dầu mỏ hóa lỏng cho(1).....theo quy định tại Nghị định số ... /2009/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, cụ thể:

Tên trạm cấp khí dầu mỏ hoá lỏng:

Địa chỉ trạm cấp:

Điện thoại: Fax:

Nhãn hàng hóa, thương hiệu:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2009/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo, gồm: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào ô tô

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 34 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP; Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP):

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào ô tô (Phụ lục VII - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu:

▪ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

▪ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu (đối với trạm nạp LPG vào ô tô tại cửa hàng xăng dầu);

▪ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy;

▪ Phiếu kết quả kiểm định thiết bị đo lường quy định máy móc thiết bị theo quy định;

▪ Phiếu kết quả kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP): 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận

- **Lệ phí** (Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

▪ Lệ phí thẩm định: 1.200.000 đồng/doanh nghiệp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào ô tô (Phụ lục VII - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: (Điều 33 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP):

a. Trạm nạp LPG vào ô tô phải được xây dựng theo quy hoạch, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; có Giấy phép xây dựng kèm theo dự án, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng;

b. Thiết bị đo lường đã được kiểm định, hiệu chỉnh theo quy định;

c. Thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn nạp LPG vào ô tô đã được kiểm định và đăng ký theo quy định;

d. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

▪ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

▪ Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Nghị định số 118/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP
KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG VÀO Ô TÔ

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:(1)

Tên giao dịch đối ngoại của doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sốdocấp ngàytháng
năm

Mã số thuế:

Ngành nghề kinh doanh:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí
 dầu mỏ hóa lỏng vào ô tô cho(1).....theo quy định tại Nghị định số ...
 /2009/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ
 hóa lỏng, cụ thể:

Tên trạm nạp khí dầu mỏ hoá lỏng vào ô tô:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Nhãn hàng hóa, thương hiệu:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định
 số.../2009/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu
 mỏ hoá lỏng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách
 nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b. Lĩnh vực Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp**3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 10, Mục 1, Chương 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT; Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP; Điều 1 - Thông tư số 18/2011/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Phụ lục 2 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an có thẩm quyền;

- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho hàng của từng cơ sở kinh doanh hóa chất nguy hiểm;

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Phụ lục 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai các phương tiện vận tải chuyên dùng và bản sao hợp lệ Giấy phép vận chuyển hàng nguyên hiểm;

- Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng và được cấp chung một Giấy chứng nhận;

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh;

- Bản kê khai nhân sự (Phụ lục 4 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT) gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên có liên quan trực tiếp đến kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 14 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

▪ 5 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ: văn bản yêu cầu bổ sung đối với hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ;

▪ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

▪ Đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Phụ lục 2 - Thông tư số 28/2008/TT-BCT);

▪ Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Phụ lục 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

▪ Bản kê khai nhân sự gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân

viên có liên quan trực tiếp đến kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm (Phụ lục 4 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: (Điều 7 - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP; Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP):

a. Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

b. Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

c. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

d. Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e. Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy, nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của “Luật Bảo vệ môi trường”.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2					
...					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Thông tư số/..../TT-BCT ngày ... tháng ... năm của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.
- ...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN
CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khoẻ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

4. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 9, Mục 1, Chương 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT; Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP; Điều 1 - Thông tư số 18/2011/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Phụ lục 2 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an có thẩm quyền;

- Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Phụ lục 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản công bố hợp quy và kế hoạch giám sát định kỳ chất lượng hóa chất trên cơ sở trang thiết bị kiểm tra hóa chất hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực kiểm tra hóa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận;

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất;

- Bản kê khai nhân sự gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm (Phụ lục 4 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

b. Số lượng hồ sơ: 1 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (Điều 14 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

▪ 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ: văn bản yêu cầu bổ sung đối với hồ sơ chưa đầy đủ và hợp;

▪ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp giấy Chứng nhận.

- **Đôi tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

▪ Đơn đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Phụ lục 2 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

▪ Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Phụ lục 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

▪ Bản kê khai nhân sự gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm (Phụ lục 4 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** (Điều 7 - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP; Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP):

a. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

b. Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

c. Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

d. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

e. Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất;

f. Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

g. Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy, nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của “Luật Bảo vệ môi trường”.

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

▪ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

▪ Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC 2*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm
do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Thông tư số/...../TT-BCT ngày ... tháng ... năm của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

- 1.
- 2.
- ...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ
AN TOÀN CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN
CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khoẻ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

5. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 11, Mục 1, Chương 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT; Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP; Điều 1 - Thông tư số 18/2011/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Phụ lục 2 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Phiếu an toàn hóa chất của toàn bộ hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Bản kê khai nhân sự (Phụ lục 4 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT) gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất theo quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư xây dựng;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo đề án hoặc Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo đề án do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan công an có thẩm quyền;

- Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho hàng của cơ sở sản xuất hóa chất nguy hiểm;

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Phụ lục 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản công bố hợp quy và kế hoạch giám sát định kỳ chất lượng hóa chất trên cơ sở trang thiết bị kiểm tra hóa chất hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực kiểm tra hóa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thừa nhận;

- Bản kê khai các phương tiện vận tải chuyên dùng và bản sao hợp lệ Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm;

- Bản kê khai địa điểm kinh doanh, nếu cơ sở kinh doanh hóa chất có nhiều điểm kinh doanh cùng một loại hóa chất thì mỗi điểm kinh doanh phải lập hồ sơ riêng và được cấp chung một Giấy chứng nhận.

b. Số lượng hồ sơ: 1 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 14 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

▪ 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ: văn bản yêu cầu bổ sung đối với hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ;

▪ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.
- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.
- **Lệ phí:** không có.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Phụ lục 2 Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn (Phụ lục 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- Bản kê khai nhân sự gồm: cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm (Phụ lục 4 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 7 - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP; Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP):

❖ Yêu cầu, điều kiện 1:

a. Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;

b. Người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

c. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở kinh doanh hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

d. Có Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e. Có trang thiết bị an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy và chữa cháy; có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của “Luật Bảo vệ môi trường.”

❖ Yêu cầu, điều kiện 2:

a. Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

b. Cán bộ chuyên trách quản lý an toàn hóa chất được đào tạo hoặc huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

c. Người lao động trực tiếp tiếp xúc với hóa chất của cơ sở sản xuất phải được đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn hóa chất;

d. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong cơ sở sản xuất hóa chất phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 12 của Luật Hóa chất;

e. Có trang thiết bị phù hợp hoặc hợp đồng liên kết với đơn vị có đủ năng lực được cơ quan có thẩm quyền thừa nhận để kiểm tra hàm lượng và các thành phần hóa chất.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công

Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

PHỤ LỤC 2*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc
Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên doanh nghiệp:

Trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Quy mô:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày tháng năm

do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp, gồm:

STT	Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	ĐVT	Số lượng
1					
2					
..					

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 108/2008/NĐ-CP và Thông tư số/....../TT-BCT ngày ... tháng ... năm của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, nếu vi phạm doanh nghiệp xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chúng tôi gửi kèm theo đơn bộ hồ sơ liên quan, bao gồm:

1.

2.

...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI**THIẾT BỊ, KỸ THUẬT, TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG
VÀ AN TOÀN CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Tên các thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn	Đặc trưng kỹ thuật	Nước, năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất
1	2	3	4	5

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 4*(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN KÊ KHAI**CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, CÁN BỘ KỸ THUẬT, NHÂN VIÊN
CỦA CƠ SỞ KINH DOANH HÓA CHẤT**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Sức khoẻ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

6. Thủ tục Cấp Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 12, Mục 1, Chương 3 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 14 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

▪ 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ: văn bản yêu cầu bổ sung đối với hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ;

▪ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.
- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.
- **Lệ phí:** không có.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
 - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
 - Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
 - Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

7. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 13 Mục 1, Chương 3, Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

1. Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại;

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp Giấy chứng nhận (nếu có).

2. Trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại;

- Giấy chứng nhận hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản chụp Giấy chứng nhận đã được cấp lần trước;

- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất trong giai đoạn Giấy chứng nhận đã được cấp, nêu rõ tên hóa chất, mục đích sử dụng, khối lượng hóa

chất được sản xuất, nhập khẩu và sử dụng; lượng nhập, xuất, tồn kho và vị trí cất giữ hóa chất; việc thực hiện các biện pháp an toàn; các thông tin khác (nếu có).

b. Số lượng hồ sơ: 1 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 14 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

▪ 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ: văn bản yêu cầu bổ sung đối với hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ;

▪ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp Giấy chứng nhận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

- **Lệ phí:** không có.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

▪ Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

▪ Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

8. Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đối với dự án đầu tư sản xuất kinh doanh sử dụng, cất giữ và bảo quản hóa chất nguy hiểm thuộc nhóm C

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 33 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT):

- Đơn đề nghị của chủ đầu tư dự án sản xuất kinh doanh, sử dụng, cất giữ và bảo quản hóa chất nguy hiểm (*Phụ lục 13 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT*);

b. Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất (10 bản) Số lượng hồ sơ: bộ

- **Thời hạn giải quyết** (Khoản 3, Điều 40 - Luật Hóa chất):

▪ 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị của chủ đầu tư dự án sản xuất kinh doanh, sử dụng, cất giữ và bảo quản hóa chất nguy hiểm (Phụ lục 13 - Thông tư số 28/2010/TT-BCT);

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Phụ lục 13: (Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

.....⁽¹⁾, ngày tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH
KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT**

Kính gửi:⁽²⁾

Chủ đầu tư:

Dự án:

Địa điểm thực hiện dự án:

Điện thoại: Fax: E-mail:.....

Đề nghị⁽²⁾ thẩm định và phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án.

Nếu được phê duyệt, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất, Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chúng tôi xin gửi kèm theo đơn:

- 10 bản Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Dự án;
- Các tài liệu kèm theo (nếu có).

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ Địa danh

⁽²⁾ Tên cơ quan thẩm định, phê duyệt Kế hoạch

c. Lĩnh vực Quản lý hoạt động thương mại của các tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam

9. Thủ tục Gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 6 và điều 7, Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT):

Một tháng trước khi giấy phép hết hạn nếu còn tiếp tục hoạt động, Hiệp hội phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ xin gia hạn gồm có:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội;

- Báo cáo tóm tắt hoạt động của Hiệp hội trong thời gian giấy phép có hiệu lực;

- Danh sách thành viên Hiệp hội.

b. Số lượng hồ sơ (Điều 1 - Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT): 02 (hai) bộ.

- Thời hạn giải quyết (Điều 7, Nghị định số 08/1998/NĐ-CP): không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân TP.HCM.

b. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Sở Công Thương TP. HCM

c. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP. HCM

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí:** không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại TP. HCM (Mẫu 1, Điều 1 - Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

▪ Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT ngày 12 tháng 02 năm 1999 của UBND Thành phố về việc ban hành quy chế thực hiện việc thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại TP.HCM.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**ĐƠN XIN THÀNH LẬP
HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****Kính gửi:** Ngài Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP.HCM.

Thưa Ngài,

Tôi tênvới tư cách là sáng lập viên thay mặt cho
.....Doanh nghiệp thành viên thuộc quốc tịch.....đang hoạt động
tại Thành phố Hồ Chí Minh ký tên dưới đây xin được thành lập Hiệp hội doanh
nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung như sau:

- Tên gọi của Hiệp hội:
- Mục đích xin thành lập Hiệp hội:
- Lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội:
- Thời gian hoạt động của Hiệp hội dự kiến là năm.

Chúng tôi cam kết trong thời gian hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội
Doanh nghiệp..... và các thành viên có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam
và hoạt động đúng theo giấy phép được cấp./.

Trân trọng,
Ký Tên

Hồ sơ kèm theo mẫu 01

- Điều lệ hoạt động của Hiệp hội có đầy đủ chữ ký các hội viên.
- Danh sách các đại diện doanh nghiệp xin tham gia
- Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban lãnh đạo Hiệp hội (có ảnh 4 x 6 kèm theo).
- Văn bản giới thiệu của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam.

d. Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hóa**10. Thủ tục cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng****- Trình tự thực hiện:****Bước 1:**

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tại các tổ chức chứng nhận hợp quy được Bộ Công Thương chỉ định. Trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy thì tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải thực hiện việc thử nghiệm tại phòng thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định.

- Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 9 - Thông tư số 48/2011/TT-BCT):

- Bản công bố hợp quy (Phụ lục 01 - Thông tư số 48/2011/TT-BCT);

- Bản sao chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp;

- Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hóa;

- Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hóa (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác;

- Bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hóa.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 10 - Thông tư số 48/2011/TT-BCT): Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân, Sở Công Thương gửi văn bản xác nhận công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân đó.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- **Lệ phí:** không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bản công bố hợp quy (Phụ lục 01 - Thông tư số 48/2011/TT-BCT).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 8 - Thông tư số 48/2011/TT-BCT):

a. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

b. Trường hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì việc công bố sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các tiêu chuẩn (TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác đang được áp dụng để công bố sự phù hợp cho đến khi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho sản phẩm, hàng hóa đó được ban hành và có hiệu lực thi hành.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Thông tư số 19/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công Thương về ban hành Danh mục các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 08/2012/TT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công Thương về ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Mẫu: Bản đăng ký công bố hợp quy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail.....

Công bố:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

PHỤ LỤC

**Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn
thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2012)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa
I	Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp
1	Nguyên liệu Amoni Nitrat (NH_4NO_3);
2	Thuốc nổ các loại;
3	Phụ kiện nổ các loại.
II	Máy, thiết bị đặc thù công nghiệp có khả năng gây mất an toàn
1	Nồi hơi nhà máy điện;
2	Nồi hơi các loại có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar dùng trong công nghiệp;
3	Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C dùng trong công nghiệp;
4	Bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) dùng trong công nghiệp;
5	Bình, bể, bồn chứa LPG;
6	Đường ống dẫn hơi và nước nóng cấp I, II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên; các đường ống dẫn cấp III, IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên sử dụng trong công nghiệp;
7	Đường ống dẫn khí khí đốt cố định bằng kim loại dùng trong công nghiệp;
8	Chai chứa LPG;
9	Hệ thống điều chế, nạp khí, khí hóa lỏng, khí hòa tan dùng trong công nghiệp;
10	Trạm nạp LPG cho chai, xe bồn;
11	Trạm nạp LPG vào ô tô;
12	Trạm cấp LPG;
13	Tuyến ống áp lực (đi nổi) của nhà máy thủy điện;
14	Cơ cấu thủy lực nâng cánh phai thủy điện;
15	Giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò;
16	Tời, trục tải có tải trọng từ 10.000 N trở lên và góc nâng từ 25° đến 90° dùng trong công nghiệp;
17	Cần trục, Cổng trục, Cầu trục dùng trong công nghiệp;

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa
18	Xe nâng hàng tải trọng từ 10.000 N trở lên dùng trong công nghiệp;
19	Xe nâng người với chiều cao nâng lớn hơn 2 m dùng trong công nghiệp;
20	Máy biến áp phòng nổ;
21	Động cơ điện phòng nổ;
22	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ;
23	Thiết bị điều khiển phòng nổ;
24	Máy phát điện phòng nổ;
25	Rơ le dòng điện dò;
26	Thiết bị thông tin phòng nổ;
27	Cáp điện phòng nổ;
28	Đèn chiếu sáng phòng nổ;
29	Máy nổ mìn điện;
30	Máy kiểm tra điện trở kíp điện;
31	Máy kiểm tra mạng nổ mìn điện.
III	Sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác
1	Bếp gas và phụ kiện, dây dẫn gas.

Ghi chú : Các mục từ II.20 - II.31 là các Thiết bị sử dụng trong môi trường có khí cháy, nổ.

e. Lĩnh vực An toàn thực phẩm**11. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (áp dụng từ ngày 19 tháng 11 năm 2012)****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 3 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 1 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT);

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề: Sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (Phụ lục 2, Phụ lục 3 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT);

- Bản sao chứng thực Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền được Bộ Công Thương chỉ định cấp theo quy định;

- Bản sao chứng thực Giấy xác nhận đủ sức khoẻ của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định.

b. Số lượng hồ sơ (Điều 3 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT): 02 (hai) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 4 và Điểm a Khoản 1 Điều 5 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT): 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ (thời gian bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí** (Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

▪ Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

▪ Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 1 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

▪ Nghị định số 38/2012 /NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

▪ Thông tư số 29/2012 TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2012/TT-BCT
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (tên đơn vị có thẩm quyền cấp, cụ thể)

Cơ sở

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy phép kinh doanh số..... ngày cấp:..... đơn vị cấp:.....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh:.....

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:.....

Số lượng công nhân viên:.....(trực tiếp:.....; gián tiếp:.....)

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (ghi cụ thể loại hình chế biến, kinh doanh).....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở.....
và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh (xác nhận của cơ sở);
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất;
- Bản vẽ sơ đồ thiết kế mặt bằng;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe, XN phân của chủ cơ sở và người trực tiếp (có xác nhận của cơ sở);
- Bản sao Giấy chứng nhận đã được tập huấn kiến thức về VSATTP (có xác nhận của cơ sở).

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên & ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2012/TT-BCT
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ
SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại..... Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất, chế biến:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất /kinh doanh
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định
- Tổng số cán bộ, công nhân đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**II.1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm² ,Trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm² ;
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất (*Kho nguyên liệu, khu vực sản xuất, chế biến, hoàn thiện sản phẩm; kho thành phẩm; khu vực vệ sinh;...*)
- Kết cấu nhà xưởng
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng (*hệ thống thoát nước thải và khu vệ sinh cá nhân.*)
- Hệ thống xử lý môi trường

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm theo quy định chưa ?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, Cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên).

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2012/TT-BCT
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ
KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại..... Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (*01 tỉnh hay 02 tỉnh trở nên*):.....
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân:
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**II.1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh:m² ,Trong đó diện tích kho hàng:.....m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh (*Kho sản phẩm; khu trưng bày và bán sản phẩm; khu vực bảo quản sản phẩm;....*)
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân (*Khu vực rửa tay; phòng thay đồ, vệ sinh cá nhân, ...*)
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)						
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa ?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, Cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên).

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên và đóng dấu)

12. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (áp dụng từ 19 tháng 11 năm 2012)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- ***Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a. Thành phần hồ sơ bao gồm:

Trường hợp cấp lại: Trước 06 tháng (tính đến ngày Giấy Chứng nhận hết hạn). trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh, cơ sở phải nộp hồ sơ cấp lại Giấy Chứng nhận gồm (Điều 3 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp Giấy lại chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 9 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT);

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề: Sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (Phụ lục 2, Phụ lục 3 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT);

- Bản sao chứng thực Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách

các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền được Bộ Công Thương chỉ định cấp theo quy định;

- Bản sao chứng thực Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh hoặc danh sách các cán bộ của cơ sở trực tiếp sản xuất, kinh doanh do cơ quan y tế cấp quận/huyện trở lên cấp theo quy định.

Trường hợp Giấy Chứng nhận đã được cấp nhưng bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 9 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT).

b. Số lượng hồ sơ (Điều 3 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT): 02 (hai) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 4 và Điểm a Khoản 1 Điều 5 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT):

▪ 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ (thời gian bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian thẩm định hồ sơ);

▪ 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy Chứng nhận bị mất, thất lạc hoặc bị hỏng. Đối với trường hợp từ chối cấp lại phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí** (Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

▪ Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

▪ Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 9 - Thông tư số 29/2012/TT-BCT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

▪ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

▪ Thông tư số 29/2012/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 9

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2012/TT-BCT
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: *(Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm)*

Đơn vị chúng tôi *(tên cơ sở)*..... đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....
.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2012/TT-BCT
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ
SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại..... Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất, chế biến:.....
- Công suất thiết kế:
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất /kinh doanh
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định
- Tổng số cán bộ, công nhân đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**II.1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm² ,Trong đó diện tích nhà xưởng sản xuấtm² ;
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất (*Kho nguyên liệu, khu vực sản xuất, chế biến, hoàn thiện sản phẩm; kho thành phẩm; khu vực vệ sinh;...*)
- Kết cấu nhà xưởng
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng (*hệ thống thoát nước thải và khu vệ sinh cá nhân.*)
- Hệ thống xử lý môi trường

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để sản xuất, chế biến thực phẩm theo quy định chưa ?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, Cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên).

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2012/TT-BCT
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ
KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:.....
- Địa chỉ văn phòng:.....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Địa chỉ kho:.....
- Điện thoại..... Fax.....
- Giấy phép kinh doanh số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Mặt hàng kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (*01 tỉnh hay 02 tỉnh trở nên*):.....
- Tổng số cán bộ, nhân viên, công nhân:
- Tổng số cán bộ, công nhân trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã được tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định:
- Tổng số cán bộ, công nhân đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**II.1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh:m² ,Trong đó diện tích kho hàng:.....m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh (*Kho sản phẩm; khu trưng bày và bán sản phẩm; khu vực bảo quản sản phẩm;....*)
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL
- Nguồn điện cung cấp
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân (*Khu vực rửa tay; phòng thay đồ, vệ sinh cá nhân,..*)
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy

II.2. Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Trang thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ (nếu sử dụng)						
6	Trang bị bảo hộ (nếu sử dụng)						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa ?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, Cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên).

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định./.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên và đóng dấu)

II. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh

a. Lĩnh vực Phát triển Công nghiệp, Thương mại địa phương

1. Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (sửa đổi, bổ sung theo Điều 30, Chương VIII - Thông tư số 02/2011/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 8 Thông tư số 02/2011/TT-BCT);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận mã số thuế (nếu có);

- Văn bản giới thiệu của doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của thương nhân bán buôn khác (nếu được sự chấp thuận của doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá cho thương nhân này), trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

- Phương án kinh doanh, gồm:

▪ Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bản sao các hợp đồng mua bán (hoặc đại lý mua bán) với các doanh nghiệp bán hàng (nếu đã kinh doanh);

▪ Dự kiến kết quả kinh doanh cho năm tiếp theo kể từ năm thương nhân xin cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá;

▪ Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối;

▪ Bảng kê cơ sở vật chất kỹ thuật (kho hàng, phương tiện vận chuyển...), nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình kinh doanh sản phẩm thuốc lá của mình...;

▪ Bảng kê Danh sách thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối của mình và các địa điểm bán lẻ (nếu có) của mình;

- Tài liệu chứng minh năng lực của doanh nghiệp, gồm:

▪ Hồ sơ về kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng);

▪ Hồ sơ về phương tiện vận chuyển;

▪ Hồ sơ về năng lực tài chính.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 31, Chương VIII - Thông tư số 02/2011/TT-BCT): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí** (Khoản 1, Điều 2 của Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

▪ Lệ phí cấp giấy phép: 200.000 đồng/giấy/lần cấp

▪ Phí thẩm định hồ sơ: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 8 Thông tư số 02/2011/TT-BCT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

▪ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Công Thương về qui định hướng dẫn Nghị định 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT
ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN BUÔN) SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:.....;

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp ngày.....
tháng..... năm.....;Đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá, cụ thể:**1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:**a) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:⁽²⁾Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:⁽³⁾b) Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân bán buôn có tên sau:⁽²⁾Được phép tổ chức hệ thống phân phối để kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá tại các tỉnh, thành phố có tên sau:⁽³⁾**2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm sau đây:**
.....⁽⁴⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:⁽¹⁾: Tên Cơ quan cấp Giấy phép (là Bộ Công Thương nếu kinh doanh từ 02 tỉnh trở lên; là Sở Công Thương nếu kinh doanh trong 01 tỉnh).⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).⁽³⁾: Ghi rõ các tỉnh, thành phố thương nhân xin phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá.⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Chuyên viên tiếp nhận kiểm tra đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định:

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và cấp giấy biên nhận, ghi rõ ngày hẹn trả kết quả cho người nộp.

▪ Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương - 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM.

- ***Cách thức thực hiện:*** Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (sửa đổi, bổ sung theo Điều 6, Chương II - Thông tư số 02/2011/TT-BCT):

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (Phụ lục 2 - Thông tư số 02/2011/TT-BCT);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác;

- Bảng kê trang thiết bị: hệ thống thông gió, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, âm kế, nhiệt kế, các phương tiện phòng chống sâu, mối mọt; các giá hoặc bục, kệ đỡ kiện thuốc lá;

- Bản kê danh sách lao động, bản sao hợp đồng lao động, chứng chỉ được đào tạo về kỹ thuật trồng thuốc lá đối với cán bộ quản lý đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thu mua nguyên liệu;

- Bản sao hợp đồng đầu tư trồng nguyên liệu thuốc lá với người trồng thuốc lá;

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (Điều 7, Chương II - Thông tư số 02/2011/TT-BCT): 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 - Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 200.000 đồng/giấy/lần cấp
- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (Phụ lục 2 - Thông tư số 02/2011/TT-BCT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 1 - Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND): Hoạt động kinh doanh bán buôn thuốc lá (đã bao gồm sơ chế dưới dạng sợi thuộc nhóm 46209) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chỉ được tập trung tại ba chợ đầu mối nông sản, thực phẩm thành phố (ngoại trừ các điểm bán buôn nông sản, thực phẩm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép).

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

▪ Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Công Thương về quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;

▪ Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Phụ lục 2

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BCT
ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh (thành phố).....

Tên thương nhân:.....

Trụ sở giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm kinh doanh.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp
ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá. Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 02/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hướng dẫn Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân
(ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Tổ nhận, trả hồ sơ - Sở Công Thương, số 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3:

▪ Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

▪ Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ nhận, trả hồ sơ;

▪ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ nếu hợp lệ theo quy định, chuyên viên sẽ nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trở lại nhận kết quả (ngày hạn theo quy định là 30 ngày). Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hạn trên Biên nhận hồ sơ, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết hồ sơ.

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ bao gồm: (Phần Sản xuất rượu, Mục B, Điều 2 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT).

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu (Phụ lục 1 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT).

2. Bản sao hợp lệ Giấy phép đầu tư hoặc chứng nhận đăng ký kinh doanh; bản sao hợp lệ giấy chứng nhận mã số thuế;

3. Tài liệu liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người:

▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong 05 năm gần nhất, trong đó cần nêu rõ chỉ tiêu sản lượng sản xuất đối với từng nhóm sản phẩm rượu, các khoản thuế đã nộp, lợi nhuận (đối với các cơ sở sản xuất rượu đang hoạt động);

▪ Dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (sản lượng từng nhóm sản phẩm, nộp thuế, lợi nhuận) cho 05 năm tiếp theo kể từ năm xin cấp Giấy phép;

▪ Bảng kê danh mục máy móc, thiết bị chuyên ngành các công đoạn chính như nấu, lên men, chưng cất, chiết rót...;

- Bảng kê danh mục thiết bị chuyên ngành đo lường, kiểm tra chất lượng men rượu, hàm lượng đường, nồng độ cồn;
- Bảng kê danh mục các máy móc, thiết bị để kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm; bản thiết kế hệ thống điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm;
- Bảng kê diện tích, sơ đồ thiết kế nhà xưởng, kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác. Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu nhà xưởng, công trình và quyền sử dụng đất (hợp đồng thuê, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...);
- Bản sao hợp lệ bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn, giấy chứng nhận sức khỏe và Hợp đồng lao động với người lao động kỹ thuật, người trực tiếp sản xuất.

4. Tài liệu liên quan đến chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hồ sơ đăng ký chất lượng, bản công bố tiêu chuẩn chất lượng;
- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ xác nhận quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm rượu;

6. Tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy nổ:

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy do cơ quan cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền cấp;
- Hồ sơ thiết kế và danh mục phương tiện, thiết bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung (Phần Sản xuất rượu, Mục B, Điều 3 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM
- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép
- **Lệ phí:** (Sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 - Thông tư số 77/2012/TT-BTC).
 - Lệ phí Giấy phép: 200.000 đồng/trường hợp
 - Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu (Phụ lục 1 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 8 - Nghị định số 40/2008/NĐ-CP).

1. Phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển ngành bia - rượu - nước giải khát đã được phê duyệt. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy hoạch này, chờ Bộ Công Thương làm quy hoạch tổng thể, sau đó UBND thành phố sẽ căn cứ vào đó để xây dựng quy hoạch cho địa phương.

2. Thẩm định địa điểm sản xuất rượu theo các điều kiện quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, con người, về chất lượng vệ sinh an toàn sản phẩm, điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;
- Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
- Văn bản số 10966/BCT-TTTN ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2008/TT-BCT;

▪ Văn bản số 12258/BCT-TTTN ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2008/TT-BCT.

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư số 10/2008/TT-BCT
ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do..... cấp
ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất các loại
rượu:.....⁽²⁾

Quy mô sản lượng sản phẩm rượu.....⁽³⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu và Thông tư số..../2008/TT-BCT ngày... tháng.... năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 40/2008/NĐ-CP. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp**
(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan cấp Giấy phép

⁽²⁾: Chủng loại rượu (ví dụ: rượu vang, rượu trắng, rượu whisky, rượu vodka...)

⁽³⁾: Công suất từng loại rượu dự kiến sản xuất

4. Thủ tục Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn TP.HCM

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại tổ nhận, trả hồ sơ - Sở Công Thương - số 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3:

- Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

- Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ nhận, trả hồ sơ;

- Đối với chuyên viên nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ nếu hợp lệ theo quy định, chuyên viên sẽ nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trở lại nhận kết quả (ngày hạn theo quy định là 15 ngày làm việc). Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hạn trên Biên nhận hồ sơ, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết hồ sơ.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm: (Phần Kinh doanh rượu, Mục C, Điều 2 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT).

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu: (Phụ lục 6 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT).

2. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận mã số thuế;

3. Phương án kinh doanh (đối với thương nhân kinh doanh bán buôn rượu), gồm các nội dung:

- Đánh giá tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán (hoặc đại lý mua bán) với các nhà cung cấp rượu (nếu đã kinh doanh);

- Dự kiến kết quả kinh doanh cho năm tiếp theo kể từ năm thương nhân xin cấp Giấy phép kinh doanh rượu;

- Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối;

- Bảng kê danh sách thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối của mình,
- Hồ sơ về kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng), gồm:
 - Địa điểm và năng lực (sức chứa) của kho;
 - Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
 - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong kho (để bảo đảm kho luôn thoáng, mát và tránh được mặt trời chiếu trực tiếp vào sản phẩm rượu);
 - Các tài liệu liên quan đến an toàn về phòng cháy, chữa cháy, về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng bán buôn, hợp đồng đại lý bán buôn với ít nhất một nhà cung cấp rượu đối với thương nhân bán buôn; Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng bán lẻ, hợp đồng đại lý bán lẻ với ít nhất một nhà cung cấp rượu đối với thương nhân bán lẻ;

5. Hồ sơ về địa điểm kinh doanh (bán buôn hoặc bán lẻ rượu), gồm:

- Địa chỉ và mô tả khu vực kinh doanh rượu;
- Tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);
- Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh rượu (để bảo đảm khu vực kinh doanh luôn thoáng, mát và tránh được mặt trời chiếu trực tiếp vào sản phẩm rượu);
- Các tài liệu liên quan đến an toàn về phòng cháy, chữa cháy, về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết** (Phần Kinh doanh rượu, Mục C, Điều 3 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí:** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 - Thông tư số 77/2012/TT-BTC).

▪ Lệ phí Giấy phép: 200.000 đồng/trường hợp

▪ Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu (Phụ lục 6 - Thông tư số 10/2008/TT-BCT)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Mục A, Phần III - Thông tư số 10/2008/TT-BCT): Thẩm định địa điểm kinh doanh rượu về điều kiện mặt bằng cửa hàng, kho chứa và các điều kiện về trang thiết bị, về bảo quản chất lượng rượu, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường, phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

▪ Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;

▪ Văn bản số 10966/BCT-TTTN ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2008/TT-BCT;

▪ Văn bản số 12258/BCT-TTTN ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2008/TT-BCT.

Phụ lục 6**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / , ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH BÁN BUÔN
(HOẶC ĐẠI LÝ BÁN BUÔN) RƯỢU**

Kính gửi: (1)

Tên doanh nghiệp:.....

Trụ sở giao dịch:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày..... tháng.....
năm.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....Đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán
buôn) rượu tại các tỉnh:⁽²⁾Bán lẻ rượu tại các địa điểm:.....⁽³⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu, Thông tư số...../2008/TT-BCT ngày... tháng.... năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 40/2008/NĐ-CP và các văn bản quy định về kinh doanh rượu. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:⁽¹⁾: Tên cơ quan cấp Giấy phép⁽²⁾: Ghi rõ các tỉnh thương nhân xin phép kinh doanh bán buôn rượu⁽³⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các điểm kinh doanh bán lẻ rượu

b. Lĩnh vực Đấu thầu**5. Thủ tục Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương - 163 Hai Bà Trưng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

▪ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ vào và cấp giấy biên nhận cho Chủ đầu tư.

▪ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (sửa đổi, bổ sung theo Điều 9, 11 - Nghị định số 85/2009/NĐ-CP):

1. Tờ trình thẩm định và phê duyệt Kế hoạch đấu thầu (Phụ lục I - Nghị định số 85/2009/NĐ-CP);

2. Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt (bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch đấu thầu) gồm:

- Quyết định đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các tài liệu liên quan.

- Điều ước quốc tế hoặc văn bản thỏa quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA.

- Thiết kế, dự toán được duyệt (nếu có).

- Nguồn vốn cho dự án.

- Các văn bản pháp lý khác liên quan (nếu có).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** (Khoản 6, Điều 31 Luật Đấu thầu, Điều 12 - Nghị định số 85/2009/NĐ-CP): Tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính

- **Lệ phí:** không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu (Phụ lục I - Nghị định số 85/2009/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 13 - Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND): Các gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C sử dụng nguồn vốn ngân sách và được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở Công Thương quyết định đầu tư.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng.
- Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu
(Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP
ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ)

[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN] **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
[TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ] **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch đấu thầu
[Ghi tên dự án hoặc tên gói thầu]

Kính gửi: [Ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án [Ghi số quyết định và ngày tháng năm] của [Ghi tên người có thẩm quyền hoặc người quyết định phê duyệt dự án] về việc phê duyệt dự án [Ghi tên dự án được phê duyệt],

Căn cứ[Ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập KHĐT].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [Ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch đấu thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây.

I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư;
- Tên chủ đầu tư hoặc chủ dự án;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN**Biểu 1. Phần công việc đã thực hiện**

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Văn bản phê duyệt (nếu có) ⁽¹⁾
1						
2						
...						
Tổng cộng giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu						

Ghi chú: (1) Đối với các gói thầu đã thực hiện trước cần nêu tên văn bản phê duyệt (phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu).

III. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG ĐƯỢC MỘT TRONG CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Phần này bao gồm nội dung và giá trị các công việc không thể tiến hành lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu như: chi phí cho ban quản lý dự án; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có); dự phòng phí và những khoản chi phí khác (nếu có).

Biểu 2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện
1			
2			
...			
Tổng cộng giá trị thực hiện			

IV. PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU

1. Biểu kế hoạch đấu thầu

Kế hoạch đấu thầu bao gồm việc xác định số lượng các gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Kế hoạch đấu thầu được lập thành biểu như sau:

Biểu 3. Tổng hợp kế hoạch đấu thầu

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
...								
Tổng cộng giá gói thầu								

2. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu

a) Tên gói thầu và cơ sở phân chia các gói thầu

- Tên gói thầu;
- Cơ sở phân chia các gói thầu.

Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

+ Mỗi gói thầu chỉ có một hồ sơ mời thầu hoặc một hồ sơ yêu cầu và được tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu một lần.

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu;
- đ) Thời gian lựa chọn nhà thầu;
- e) Hình thức hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. PHẦN CÔNG VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN LẬP KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU (NẾU CÓ)

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [*Ghi tên chủ đầu tư*] đề nghị người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch đấu thầu [*Ghi tên gói thầu hoặc tên dự án*].

Kính trình [*Ghi tên người có thẩm quyền*] xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- [*Ghi tên cơ quan/tổ chức thẩm định*];
-
- Lưu VT.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: đối tượng áp dụng Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu là cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch đấu thầu đối với các dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu. Trường hợp gói thầu dịch vụ tư vấn được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì khi lập tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu có thể tham khảo Mẫu này.

c. Lĩnh vực Dầu khí**6. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

Bước 2: Doanh nghiệp đến nộp hồ sơ tại Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3)

▪ Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

▪ Cách thức nộp hồ sơ: doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Tổ nhận, trả hồ sơ;

▪ Đối với chuyên viên nhận hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ nếu hợp lệ theo quy định, chuyên viên sẽ nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trở lại nhận kết quả (ngày hạn theo quy định là 15 ngày làm việc). Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chuyên viên sẽ hướng dẫn doanh nghiệp hoàn chỉnh lại hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ theo ngày hạn trên Biên nhận hồ sơ, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Sở Công Thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm: (Điều 16 - Nghị định số 84/2009/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 118/2011/NĐ-CP)

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 - Nghị định số 84/2009/NĐ-CP);

2. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có chức năng kinh doanh mặt hàng xăng dầu;

3. Bản kê trang thiết bị cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu;

4. Giấy chứng nhận đã qua lớp huấn luyện về nghiệp vụ quản lý xăng dầu của cán bộ, công nhân viên trực tiếp tham gia kinh doanh xăng dầu;

5. Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp cửa hàng xăng dầu gồm: Bản sao Giấy phép xây dựng và biên bản kiểm tra công trình hoàn thành (áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp):

a. Trường hợp cửa hàng xăng dầu tiếp quản từ chế độ cũ để lại (không có Giấy phép xây dựng) thì thay thế bằng Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân thành phố;

b. Trường hợp cửa hàng xăng dầu thuộc doanh nghiệp nhà nước không có Giấy phép xây dựng (được miễn Giấy phép xây dựng) thì thay thế bằng hồ sơ về xây dựng gồm:

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu văn bản chấp thuận địa điểm (Sở Quy hoạch - kiến trúc thành phố cấp);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật (Cơ quan đơn vị chủ quản có thẩm quyền cấp);

- Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (Cơ quan đơn vị chủ quản duyệt thiết kế kỹ thuật).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- **Thời hạn giải quyết:** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 1 Nghị định số 118/2011/NĐ-CP): 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí:** (sửa đổi, bổ sung theo Điều 2 - Thông tư số 77/2012/TT-BTC).

- Lệ phí Giấy chứng nhận: 200.000 đồng/trường hợp

- Lệ phí thẩm định: 1.200.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 3 - Nghị định số 84/2009/NĐ-CP);

2. Bản kê trang thiết bị cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu (Điều 16 - Nghị định số 84/2007/NĐ-CP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 15, Điều 16 - Nghị định số 84/2007/NĐ-CP):

- Phù hợp Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu theo Quyết định số

39/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2007 của UBND TP về quy hoạch mạng lưới cửa hàng xăng dầu. Địa điểm kinh doanh phải có trong danh sách quy hoạch nêu trên mới cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

▪ Thẩm định địa điểm kinh doanh bán lẻ xăng dầu theo các điều kiện quy định về xây dựng, trang thiết bị cửa hàng, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra thiết bị đo lường, kiểm tra đối chiếu giấy học nghiệp vụ xăng dầu của công nhân viên trực tiếp kinh doanh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

▪ Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

▪ Thông tư số 29/2007/TT-BKHCHN ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn điều kiện bảo đảm chất lượng, đo lường đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

▪ Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2007 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu.

MẪU SỐ 3**TÊN DOANH NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KINH DOANH CHO CỬA HÀNG, TRẠM BÁN LẺ XĂNG, DẦU****Kính gửi:**

Họ và tên người làm đơn:

Ngày tháng năm sinh:

Chức danh (giám đốc/chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú): Tên doanh nghiệp:

Nơi đặt trụ sở chính:

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do cấp ngày tháng năm 20

Đề nghị Sở Thương mại xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng, dầu cho cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu thuộc doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 84/2009 /NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Tên cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu:

Địa chỉ:

..., ngày tháng năm 200

Người làm đơn ký tên**Hồ sơ kèm theo:**

1. Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Bản kê trang thiết bị của cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu.
3. Tài liệu về đầu tư xây dựng của cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu.
4. Bản sao chứng chỉ đã qua lớp học nghiệp vụ xăng dầu của cán bộ, nhân viên cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu

**BẢNG KÊ TRANG THIẾT BỊ
CỦA HÀNG, TRẠM BÁN LẺ XĂNG, DẦU**

Địa chỉ cửa hàng xăng dầu:.....

Trực thuộc doanh nghiệp:

I. THIẾT BỊ CHỨA, THU HỒI VÀ BÁN XĂNG DẦU:

Số TT	Tên trang thiết bị	Số lượng (cái)	Đặc điểm (chủng loại, dung tích tính m ³)
1	Bể chứa xăng dầu: - Bể chứa đặt ngầm - Bể chứa đặt nổi		
2	Cột bơm xăng dầu		
3	Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu		
4	Hệ thống đường ống công nghệ: - Dùm riêng cho từng cột đo xăng dầu - Dùm chung cho nhiều cột đo xăng dầu		

Bể chứa xăng dầu có lắp họng nạp kín và van thở:

Có Không có Có nhưng không đầy đủ

II. THIẾT BỊ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ:

1. Thiết bị phòng cháy, chữa cháy (đánh dấu X vào ô thích hợp):

1.1. Nội quy phòng cháy chữa cháy, tiêu lệnh biển cấm lửa:

- Nội quy phòng cháy, chữa cháy: Có Không có

- Tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy: Có Không có

- Biển cấm lửa: Có Không có

1.2. Hệ thống báo cháy, chữa cháy: Có Không có

1.2.1 Hệ thống báo cháy tự động Có Không có

1.2.2 Hệ thống chữa cháy tự động Có Không có

1.2.3 Hệ thống chữa cháy bán tự động Có Không có

1.2.4 Phương tiện chữa cháy bằng tay Có Không có

Đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

1.3. Có lắp thiết bị ngăn lửa tại những vị trí sau:

- Miệng ống thông khí nối với van thở của bể chứa xăng, dầu: Có Không có

Có nhưng không đầy đủ

Số lượng, đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

-Van thở của bể chứa các loại sản phẩm khác (nếu có): Có Không có

Số lượng, đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

1.4. Phương tiện, dụng cụ chữa cháy ban đầu:

STT	Tên hạng mục của cửa hàng	Bình bột (cái)		Cát 3 (m ³)	Xẻng (cái)	Chăn sợi (cái)	Phuy hoặc bể nước 200 lít	Ghi chú (nếu không có ghi cột này)
		>25 kg	≥ 4 kg					
1	Cụm bể chứa XD							
2	Nơi nạp xăng, dầu vào bể chứa	----		----	----			
3	Cột bơm xăng, dầu	----		----	----			
4	Nơi tra xăng, dầu	----		---	---	---	---	
5	Nơi bán dầu nhớt và các sản phẩm khác	----		---	---			
6	Phòng giao dịch bán hàng	----		---	---	---	---	
7	Phòng bảo vệ	---		---	---	---	---	
8	Máy phát điện, trạm biến thế		---	---	---	---	---	
9	Các dịch vụ khác	---		---	---			

Chú thích: Thương nhân không kê khai những ô có ký hiệu (---)

1.5. Trong trường hợp sử dụng máy phát điện, thương nhân có lắp bộ dập tàn lửa và bọc cách nhiệt cho ống khói của máy nổ: Có Không có

1.6. Trường hợp của hàng xăng dầu có bán khí đốt hóa lỏng (gas) chung trong khu vực kinh doanh xăng dầu, yêu cầu trang thiết bị chữa cháy tại cửa hàng gas (tối thiểu):

- 01 bình chữa cháy CO ₂ loại 5 kg:	Có <input type="checkbox"/>	Không có <input type="checkbox"/>
- 02 bình chữa cháy bằng bột loại 8 kg:	Có <input type="checkbox"/>	Không có <input type="checkbox"/>
- 02 bao tải gai hoặc chặn chiên:	Có <input type="checkbox"/>	Không có <input type="checkbox"/>
- 1 thùng nước 20 lít:	Có <input type="checkbox"/>	Không có <input type="checkbox"/>
- 01 chậu xà phòng 02 lít:	Có <input type="checkbox"/>	Không có <input type="checkbox"/>

1. Lắp đặt thiết bị điện phòng nổ tại những khu vực sau:

- Khu vực bể chứa xăng dầu, họng nạp, van thở: Có Không có

Số lượng, đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

- Khu vực cột bơm: Có Không có

Số lượng, đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

- Nơi chứa và bán dầu mỡ nhờn trong nhà: Có Không có

Số lượng, đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

III. THIẾT BỊ CHỐNG SÉT VÀ NỔ ĐẤT:

1. Thiết bị chống sét:

1.1. Lắp đặt thiết bị chống sét đánh thẳng cho những khu vực sau:

- Khu bể chứa xăng dầu và van thở (nếu bể chứa đặt nổi hoặc khi van thở đặt cao mà không nằm trong vùng bảo vệ chống sét của các công trình cao xung quanh):

Có Không có

Đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

- Các hạng mục xây dựng khác của cửa hàng, trạm bán lẻ xăng dầu (gian tra dầu mỡ, rửa xe, để máy phát điện..): Có Không có

Đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

1.2. Lắp đặt thiết bị nối đất chống sét cảm ứng cho bể chứa xăng dầu:

Có Không có

2. Lắp đặt thiết bị nối đất chống tĩnh điện:

- Cho bể chứa xăng dầu: Có Không có

Đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

- Tại vị trí nạp xăng dầu (để nối đất cho phương tiện nạp xăng dầu vào bể chứa):

Có Không có

Đặc điểm thiết bị (nếu có):.....

3. Lắp đặt thiết bị nối đất an toàn cho tất cả phần kim loại không mang điện của các thiết bị điện và cột bơm: Có Không có

IV. HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG:

1. Nguồn nước:

- Công cộng: Có Không có

- Nước ngầm: (tự khai thác): Có Không có

2. Hệ thống xử lý và thải nước thải nhiễm xăng dầu: Có Không có

Chi tiết:.....

Chúng tôi cam kết những nội dung trên hoàn toàn đúng sự thực và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản kê khai này./.

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

7. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) vào chai

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Cá nhân/Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM)

Bước 3: Xem xét hồ sơ

▪ Nếu hồ sơ hợp lệ: chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận và cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả hồ sơ.

▪ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ: chuyên viên nhận hồ sơ sẽ trả lại và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Bước 4: Cá nhân/Tổ chức theo giấy hẹn đến nhận kết quả giải quyết tại Phòng tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2, Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP):

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai (Phụ lục III - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

2. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có đăng ký ngành nghề nạp LPG vào chai, xe bồn;

3. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Phiếu kiểm định máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của trạm nạp;

4. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Phiếu kết quả kiểm định từng thiết bị, dụng cụ kiểm tra đo lường trong trạm: cân khối lượng, đo thể tích, áp kế và các thiết bị, dụng cụ khác;

5. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy;

6. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Quy trình

nạp LPG, quy trình vận hành máy, thiết bị trong trạm, quy trình xử lý sự cố và quy định về an toàn;

7. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép xây dựng;

8. Sơ đồ mặt bằng (tối thiểu khổ giấy A2) bao gồm các thông tin về: vị trí bồn chứa, trạm nạp, vị trí xuất hoặc nhập LPG vào xe bồn, kho bãi, nhà xưởng, làn đường có xe tải chạy, thiết bị báo cháy và chữa cháy, hệ thống ống dẫn LPG, hệ thống điện, điều khiển ngừng cấp. Bản vẽ mặt bằng phải ghi rõ dung tích các bồn chứa; vị trí, kích thước và khoảng cách an toàn tối thiểu theo quy định.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** (Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP):

▪ 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ: Thông báo về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ;

▪ 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp giấy chứng nhận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân và tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân TP.HCM.

b. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Công Thương TP.HCM.

c. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí thẩm định** (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC): 1.200.000 đồng/doanh nghiệp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (Phụ lục III - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

▪ Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có đăng ký ngành nghề nạp LPG vào chai (Điều 16 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

▪ Địa điểm trạm nạp LPG vào chai phải phù hợp với quy hoạch và dự án, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng. Việc xây dựng trạm nạp LPG vào chai phải tuân thủ quy định của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan về xây dựng công trình LPG (Điều 16 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

▪ Trạm nạp, thiết bị nạp, hệ thống ống dẫn, bồn chứa và thiết bị phụ trợ phải tuân thủ các quy định về an toàn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành (Điều 16 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

▪ Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy (Điều 18 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

▪ Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động của trạm nạp đã được kiểm định và đăng ký theo quy định (Điều 18 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

▪ Trạm nạp LPG vào chai phải có hàng rào bảo vệ xung quanh, bảo đảm thông thoáng và phải tuân thủ khoảng cách an toàn theo quy định tại quy chuẩn Việt Nam có liên quan (Điều 18 và Phụ lục IX - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP);

▪ Có đầy đủ các quy trình: nạp LPG vào chai, xe bồn, vận hành máy, thiết bị trong trạm, xử lý sự cố và các quy định về an toàn (Điều 18 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP).

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

▪ Luật Thương mại năm 2005;

▪ Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Nghị định số 118/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục III

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 107/2009/NĐ-CP
ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

TP.HCM, ngày tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NẠP
KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG VÀO CHAI

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh/thành phố ...

Tên doanh nghiệp:(1).....

Tên giao dịch đối ngoại của doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... do.... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:

Ngành nghề kinh doanh:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai cho(1).....theo quy định tại Nghị định số ... /2009/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, cụ thể:

Tên trạm nạp khí dầu mỏ hoá lỏng vào chai:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Nhãn hàng hóa, thương hiệu:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2009/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật, kèm theo các tài liệu chứng minh.

8. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng LPG chai

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Cá nhân/Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

▪ Nếu hồ sơ hợp lệ: chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận và cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả hồ sơ.

▪ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ: chuyên viên nhận hồ sơ sẽ trả lại và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Cá nhân/Tổ chức theo giấy hẹn đến nhận kết quả giải quyết tại Phòng tiếp nhận hồ sơ Sở Công Thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 30 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP):

1. Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (Phụ lục I - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP, Khoản 8, Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP);

2. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân chủ sở hữu cửa hàng bán LPG chai;

3. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy;

4. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đã được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cấp cho từng cán bộ, nhân viên trong cửa hàng.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

Thời hạn giải quyết: (Điều 2 - Nghị định số 118/2011/NĐ-CP):

▪ 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ: Thông báo về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ;

▪ 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: xem xét thẩm định và cấp giấy chứng nhận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân và tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí** (sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 77/2012/TT-BTC):

▪ Đối với hộ kinh doanh cá thể: 400.000 đồng/hộ cá thể;

▪ Đối với doanh nghiệp tư nhân: 1.200.000 đồng/doanh nghiệp;

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (Phụ lục I - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP, Khoản 8 - Điều 2 Nghị định số 118/2011/NĐ-CP)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 29 - Nghị định số 107/2009/NĐ-CP):

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó có đăng ký bán LPG chai;

2. Hợp đồng mua LPG chai với đại lý hoặc tổng đại lý hoặc thương nhân kinh doanh LPG đầu mối đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định này; thời hạn hợp đồng tối thiểu là 01 (một) năm, còn hiệu lực thi hành;

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy và chữa cháy.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật Thương mại năm 2005;

▪ Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Nghị định số 118/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;

▪ Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

TP.HCM, ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG CHO CỬA HÀNG BÁN LPG CHAI**

Kính gửi: Sở Công Thương TP.HCM

Tên doanh nghiệp:(1)...

Tên giao dịch đối ngoại của doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.... do.... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:

Ngành nghề kinh doanh:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai cho(1).....theo quy định tại Nghị định số ... /2009/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ..2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, cụ thể:

Tên cửa hàng bán khí dầu mỏ hoá lỏng:

Địa chỉ cửa hàng:

Điện thoại: Fax:

Kinh doanh nhãn hàng hóa, thương hiệu:

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số.../2009/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*(Họ và tên, ký tên và đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo, gồm:

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp**9. Thủ tục cấp Giấy xác nhận khai báo hóa chất sản xuất****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Cá nhân/Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM)

▪ Nếu hồ sơ hợp lệ: chuyên viên nhận hồ sơ sẽ nhận và cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả hồ sơ.

▪ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ: chuyên viên nhận hồ sơ sẽ trả lại và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Cá nhân/tổ chức theo giấy hẹn đến nhận kết quả giải quyết tại Phòng tiếp nhận hồ sơ Sở Công thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 11, Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP):

- Bản khai báo hóa chất (Phụ lục 1 - Thông tư số 40/2011/TT-BCT);

- Phiếu an toàn hóa chất tiếng Việt (trong trường hợp đã khai báo trước đó tại Sở Công Thương thì tổ chức cá nhân sản xuất hóa chất nguy hiểm không phải nộp lại Phiếu an toàn hóa chất khi thành phần hóa chất không thay đổi).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ

- Thời hạn giải quyết: (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 11, Điều 1 - Nghị định số 26/2011/NĐ-CP): 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân và tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

- Lệ phí: không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai báo hóa chất (Phụ lục 1 - Thông tư số 40/2011/TT-BCT).

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** không có

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

▪ Luật Hóa chất năm 2007;

▪ Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về Khai báo hóa chất;

▪ Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

▪ Quyết định số 5100/QĐ-BCT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

▪ Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Phần II
THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT

1. Thông tin hóa chất

STT	Mã HS	Mã CAS	Tên thương mại	Tên IUPAC	Công thức hóa học	Khối lượng	Mục đích sản xuất	Xuất xứ
1								
2								
3								
4								
5								

2. Thông tin khác:**2.1. Đối với loại hình nhập khẩu**

Số Hóa đơn (Invoice):

Ngày ký hóa đơn (Invoice):

Công ty xuất khẩu:

Quốc gia:

Cửa khẩu nhập hóa chất:

2.2. Đối với loại hình sản xuất

Địa chỉ nơi sản xuất:

Tôi cam đoan tất cả các thông tin khai báo trên đây đúng và đầy đủ theo quy định của Nghị định số 26/2011/NĐ-CP và Thông tư số 39/2011/TT-BCT./.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI BÁO
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú:

Khối lượng được khai theo tổng số lượng nhập khẩu của hợp đồng, những lần nhập khẩu tiếp theo khai theo chi tiết của hóa đơn (invoice).

e. Lĩnh vực Điện, Năng lượng mới, Năng lượng tái tạo**10. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình điện nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước****- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận trả hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ (Điều 9 - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP) bao gồm:

1. Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục II - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP).

2. Bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.

3. Bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hồ sơ pháp lý của tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn: giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ hành nghề (chỉ nộp lần đầu cho Sở Công Thương, đối với tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn đã nộp hồ sơ cho Sở Công Thương trước đó thì không cần nộp lại).

4. Bản chính phần thuyết minh của dự án đầu tư.

5. Bản chính phần thuyết minh thiết kế cơ sở và các bản vẽ thiết kế cơ sở.

6. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

7. Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** (Điều 10 - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP):

▪ 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án nhóm C);

▪ 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với dự án nhóm B).

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân TP.HCM.

b. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Công Thương.

c. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

d. Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phê duyệt.

- **Lệ phí:** Lệ phí thẩm định dự án đầu tư theo tổng mức đầu tư của dự án (sửa đổi, bổ sung theo Điều 3 - Thông tư số 176/2011/TT-BTC).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục II - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

▪ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

▪ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;

-
- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
 - Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.;
 - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở (nếu khác với tổ chức tư vấn lập dự án):

4. Chủ nhiệm lập dự án:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10. Loại, cấp công trình:

11. Thiết bị công nghệ (nếu có):

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

13. Tổng mức đầu tư của dự án: Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:
- 14. Nguồn vốn đầu tư:
- 15. Hình thức quản lý dự án:
- 16. Thời gian thực hiện dự án:
- 17. Các nội dung khác:
- 18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: g.x.d

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

11. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình điện sử dụng vốn ngân sách nhà nước

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q.3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận cho người nộp;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận trả hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ (Khoản 1, Điều 3 - Thông tư số 03/2009/TT-BXD) bao gồm:

1. Tờ trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình (Phụ lục 2 - Thông tư số 03/2009/TT-BXD).

2. Bản chính Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

3. Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: (Khoản 1, Điều 3 - Thông tư số 03/2009/TT-BXD): không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân TP.HCM.

b. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Công Thương.

c. Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

d. Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- **Lệ phí:** Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật theo tổng mức đầu tư của dự án (sửa đổi, bổ sung theo Điều 3 - Thông tư số 176/2011/TT-BTC).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình (Phụ lục 2 - Thông tư số 03/2009/TT-BXD)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP;
- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.;
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tên chủ đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng.....năm.....

**TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.....**

Kính gửi: ... (Người có thẩm quyền quyết định đầu tư)

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

(Tên chủ đầu tư) trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Tên tổ chức lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:
4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Diện tích xây dựng:
7. Tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Thời gian thực hiện:
11. Những kiến nghị:

(Gửi kèm tờ trình này là toàn bộ hồ sơ Báo cáo KTKT và kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

12. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ khi di dời công trình điện

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q.3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận trả hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ (Điều 9 - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP) bao gồm:

1. Tờ trình thẩm định, phê duyệt chi phí bồi thường hỗ trợ di dời (có thể tham khảo Phụ lục II - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP).

2. Bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định đầu tư của dự án chính.

3. Hồ sơ công trình điện phải di dời và dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ.

4. Bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng giao trọn gói thực hiện khảo sát, lập hồ sơ bồi thường công trình điện.

5. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

6. Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết: (Điều 30 - Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND): 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phê duyệt dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ khi di dời công trình điện.

- **Lệ phí:** Lệ phí thẩm định thiết kế và dự toán công trình tính theo chi phí xây dựng công trình (sửa đổi, bổ sung theo Điều 3 - Thông tư số 176/2011/TT-BTC).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

▪ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội.

▪ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.

▪ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

▪ Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

▪ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở (nếu khác với tổ chức tư vấn lập dự án):

4. Chủ nhiệm lập dự án:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10. Loại, cấp công trình:

11. Thiết bị công nghệ (nếu có):

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:

17. Các nội dung khác:

18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: g.x.d

13. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí bồi thường di dời - tái lập công trình điện

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q.3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận trả hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ (Điều 9 - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP) bao gồm:

1. Tờ trình thẩm định, phê duyệt chi phí bồi thường hỗ trợ di dời (có thể tham khảo Phụ lục II - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP).

2. Bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định đầu tư của dự án chính.

3. Bản sao chụp mang theo bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hồ sơ pháp lý của tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn: giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động điện lực, chứng chỉ hành nghề (chỉ nộp lần đầu cho Sở Công Thương, đối với tổ chức, cá nhân hành nghề tư vấn đã nộp hồ sơ cho Sở Công Thương trước đó thì không cần nộp lại).

4. Bản chính Hồ sơ bồi thường di dời - tái lập lưới điện.

5. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

6. Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- **Thời hạn giải quyết:** (Điều 30 - Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND): 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Phê duyệt dự toán chi phí bồi thường di dời - tái lập công trình điện.

- **Lệ phí:** Lệ phí thẩm định thiết kế và dự toán công trình tính theo chi phí xây dựng công trình (sửa đổi, bổ sung theo Điều 3 - Thông tư số 176/2011/TT-BTC).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP.
- Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.
- Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình**

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở (nếu khác với tổ chức tư vấn lập dự án):
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:

17. Các nội dung khác:

18. Kết luận:

Chủ đầu tư trình... thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình./.

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: g.x.d

f. Lĩnh vực Quản lý hoạt động thương mại của các tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam

14. Thủ tục Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn và giao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ sẽ hướng dẫn người nộp bổ sung và hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ vào ngày hẹn trên giấy biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Sở Công Thương TP.Hồ Chí Minh.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ (Điều 5 Nghị định 72/2006/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2, Điều 2 Nghị định số 120/2011/NĐ-CP, Phụ lục 1 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM) bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (Mẫu MĐ-1 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM);

2. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

3. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất (văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước

ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất) phải được dịch ra tiếng Việt, được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

4. Bản sao có chứng thực hoặc Bản chụp kèm bản chính để đối chiếu điều lệ hoạt động của thương nhân nước ngoài;

5. Bản sao giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện;

6. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện (có thể nộp lúc đề nghị thành lập hoặc nộp khi thông báo hoạt động nhưng phải được công chứng theo luật định, trừ một số trường hợp được miễn công chứng).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** (Khoản 2, Điều 7 - Nghị định số 72/2006/NĐ-CP): tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí:** (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1a, Điều 2 - Thông tư số 133/2012/TT-BTC): Lệ phí cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện, chi nhánh đại diện của văn phòng tại Việt Nam: 3.000.000 đồng/1 giấy phép

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (Mẫu MĐ-1 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM)

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** (Điều 3 - Thông tư số 01/1999/TT-NG)

1. Yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng bản dịch các giấy tờ sau:

▪ Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

▪ Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.

2. Yêu cầu khi nhận kết quả giải quyết:

▪ Người đứng đầu Văn phòng đại diện đến trực tiếp nhận Giấy phép tại Bộ phận nhận và trả hồ sơ, đem theo bản chính giấy phép, chứng minh nhân dân (đối với công dân Việt Nam ở trong nước), hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài). Nếu nhận giấy phép thay phải có giấy ủy quyền do giám đốc công ty tại nước sở tại ký tên và đóng dấu (giấy ủy quyền phải được hợp pháp hóa lãnh sự).

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Thương mại năm 2005;
- Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
- Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi thủ tục hành chính tại Nghị định hướng dẫn Luật Thương mại.
- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

MẪU MĐ-1*Địa điểm, ngày... tháng ...năm...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH****Kính gửi:** *Cơ quan cấp Giấy phép(3)*.....

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tóm tắt quá trình hoạt động của thương nhân:

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên Văn phòng đại diện /Chi nhánh(4):

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện /Chi nhánh: (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:

Do:..... cấp ngày.....tháng.....năm.... tại.....

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;
2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;
3. Bản sao Điều lệ hoạt động của thương nhân nước ngoài (nếu có);
4. Bản sao Điều lệ hoạt động của Chi nhánh;
5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam); Bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh;
6. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)(5)

(3) Bộ Thương mại (trong trường hợp đề nghị thành lập Chi nhánh), Sở Thương mại (trong trường hợp đề nghị thành lập Văn phòng đại diện)

(4) Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh ghi như sau: Tên văn phòng đại diện + tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt Văn phòng đại diện/ Chi nhánh (trong trường hợp thương nhân có từ 02 VPĐD/CN trở lên) hoặc Tên Văn phòng đại diện/ Chi nhánh + tại Việt Nam (trong trường hợp thương nhân chỉ có 01 VPĐD/CN tại Việt Nam).

(5) Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM.

15. Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn và giao cho người nộp.
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ sẽ hướng dẫn người nộp bổ sung và hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ vào ngày hẹn trên giấy biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Sở Công Thương TP.Hồ Chí Minh.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Điều 12 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP):

1. Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (MĐ-3 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM);;

- Xác nhận của cơ quan đã cấp Giấy phép về việc xóa đăng ký Văn phòng đại diện tại địa phương cũ;

- Bản sao có công chứng Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh. (quy định tại mẫu MĐ-3 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM)

2. Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác; Thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh (MĐ-3 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM);

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp.

3. Trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh bị mất, bị rách hoặc bị tiêu huỷ, thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh với cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi phát sinh sự kiện. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh (MĐ-3 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM);

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã được cấp (nếu có).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết** (Điều 13 - Nghị định số 72/2006/NĐ-CP): không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương TP.HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

- **Lệ phí:** 1.500.000 đ (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1b, Điều 2 - Thông tư số 133/2012/TT-BTC)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (MĐ-3 - Thông tư số 11/2006/TT-BTM).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng bản dịch các giấy tờ sau:

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;
- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.

2. Công chứng giấy tờ sau: Hợp đồng thuê trụ sở.

3. Yêu cầu khi nhận kết quả giải quyết:

- Người đứng đầu Văn phòng đại diện đến trực tiếp nhận Giấy phép tại bộ phận nhận và trả hồ sơ, đem theo bản chính giấy chứng minh nhân dân (đối với công dân VN ở trong nước), hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài). Nếu nhận giấy phép thay phải có giấy ủy quyền do giám đốc công ty tại nước sở tại ký tên và đóng dấu giấy ủy quyền phải được hợp pháp hóa lãnh sự).

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thương mại năm 2005;
- Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

MẪU MĐ-3*Địa điểm, ngày... tháng ...năm...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH****Kính gửi:** ... Cơ quan cấp Giấy phép(6)...

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ:

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập)

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/Chứng minh thư nhân dân:

Do cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau:**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 và trường hợp bị rách theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
2. Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 và trường hợp bị mất, tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
3. Xác nhận của cơ quan đã cấp Giấy phép về việc xóa đăng ký Văn phòng đại diện tại địa phương cũ (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
4. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
5. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài (trong trường hợp cấp lại Giấy phép thành lập theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)(7)

(6) Bộ Thương mại (trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh), Sở Thương mại (trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện)

(7) Trong trường hợp mất, rách, tiêu hủy theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP, người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh được quyền đứng tên ký đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập. Trong trường hợp thương nhân đứng tên ký đơn nhưng không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT- BTM.

16. Thủ tục Gia hạn và điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Văn phòng Sở Công Thương (số 163 Hai Bà Trưng, Q3, TP.HCM).

Thời gian nhận hồ sơ: từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00).

Khi nhận hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn và giao cho người nộp;
- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ sẽ hướng dẫn người nộp bổ sung và hoàn thiện hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

Bước 3: Căn cứ vào ngày hẹn trên giấy biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Sở Công Thương TP.Hồ Chí Minh.

- Cách thức thực hiện: trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ bao gồm (Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP; Khoản 5, Phần II, Thông tư số 11/2006/TT-BTM):

1. Đơn đề nghị gia hạn và điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (Mẫu MĐ-5, Phụ lục I - Thông tư số 11/2006/TT-BTM);

2. Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp;

3. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất do cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc các văn bản khác được tổ chức độc lập, có thẩm quyền xác nhận chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất);

4. Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện tính từ thời điểm thành lập đến thời điểm đề nghị gia hạn (trong trường hợp đề nghị gia hạn từ lần thứ 2, Văn phòng đại diện thực hiện báo cáo từ thời điểm gia hạn gần nhất đến thời điểm đề nghị gia hạn kế tiếp);

5. Giấy tờ chứng minh người đứng đầu Văn phòng đại diện sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

6. Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu Văn phòng đại diện sắp kế nhiệm (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

7. Bản sao tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi địa điểm của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);

8. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Điểm c và d Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết** (Khoản 2, Điều 14 - Nghị định số 72/2006/NĐ-CP): 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Sở Công Thương TP. HCM.

- **Kết quả thủ tục hành chính**: Giấy phép

- **Lệ phí**: 1.500.000 đ (sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1b Điều 2 Thông tư số 133/2012/TT-BTC)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Đơn đề nghị gia hạn và điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh (Mẫu MĐ-5, Phụ lục I - Thông tư số 11/2006/TT-BTM).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

1. Yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự, công chứng bản dịch các giấy tờ sau (Điều 3 Thông tư số 01/1999/TT-NG):

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài;

- Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất.

2. Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh khi có đủ các điều kiện sau đây (Điều 14 - Nghị định số 72/2006/NĐ-CP):

- Có nhu cầu tiếp tục hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Văn phòng đại diện, Chi nhánh;

- Thương nhân nước ngoài đang hoạt động theo pháp luật của nước nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

- Không có hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

▪ Luật Thương mại năm 2005;

▪ Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

▪ Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

▪ Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

MẪU MĐ-5*Địa điểm, ngày... tháng ...năm...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN VÀ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/CHI NHÁNH****Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép (12)**

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh): .

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập)

Tên viết tắt: (nếu có)

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã,

quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo

Giấy phép)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/Chứng minh thư nhân dân:

Do cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi đề nghị gia hạn và điều chỉnh Giấy phép thành lập với nội dung cụ thể như**sau:**

1. Lý do đề nghị gia hạn:

2. Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm:

3. Lý do đề nghị điều chỉnh:

4. Nội dung điều chỉnh:

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh.

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh đã được cấp;
2. Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;
3. Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Chi nhánh tính từ thời điểm thành lập đến thời điểm đề nghị gia hạn (trong trường hợp đề nghị gia hạn từ lần thứ hai, Văn phòng đại diện, Chi nhánh thực hiện báo cáo từ thời điểm gia hạn gần nhất đến thời điểm đề nghị gia hạn kế tiếp);
4. Bản sao giấy tờ chứng minh Chi nhánh đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam trong thời gian hoạt động (chỉ áp dụng đối với trường hợp Chi nhánh đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập);
5. Giấy tờ chứng minh người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh sắp mãn nhiệm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước Việt Nam (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
6. Bản sao hộ chiếu, thị thực nhập cảnh (nếu là người nước ngoài) hoặc hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân (nếu là người Việt Nam) của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Chi nhánh sắp kế nhiệm (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
7. Bản sao tài liệu pháp lý chứng minh sự thay đổi địa điểm của thương nhân nước ngoài trong phạm vi nước nơi thương nhân thành lập (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP);
8. Bản sao hợp đồng thuê địa điểm mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh (trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2006/NĐ-CP).

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)(13)

(12) Bộ Thương mại (trong trường hợp Chi nhánh đề nghị gia hạn, điều chỉnh Giấy phép), Sở Thương mại (trong trường hợp Văn phòng đại diện đề nghị gia hạn, điều chỉnh Giấy phép)

(13) Trong trường hợp thương nhân không có dấu, đơn phải kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân đăng ký thành lập chứng thực chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài. Văn bản này phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt theo quy định tại Khoản 3 Mục I Thông tư số 11/2006/TT-BTM.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng